

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông  
công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2024 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP LẦN THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ  
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;  
Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021  
của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục  
thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ  
chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;  
Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của  
Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP  
ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý  
học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách  
miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục,  
đào tạo;  
Xét Tờ trình số 6709/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí của  
cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế  
năm học 2024 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến  
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non  
và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2024 - 2025.

## 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước; các cơ sở giáo dục công lập; trẻ em mầm non, học sinh đang học tập tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2. Quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh năm học 2024 - 2025 như sau:**

### 1. Mức thu học phí:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/trẻ, học sinh/tháng

| STT        | Cấp học   |  | Mầm non | Trung học cơ sở | Trung học phổ thông |
|------------|---|--|---------|-----------------|---------------------|
|            | Khu vực   |  |         |                 |                     |
| <b>I</b>   | <b>Thành thị</b>                                      |  |         |                 |                     |
| 1          | Các phường thuộc thành phố Huế                        |  | 166     | 86              | 90                  |
| 2          | Các phường thuộc thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà  |  | 106     | 66              | 72                  |
| <b>II</b>  | <b>Nông thôn</b>                                      |  |         |                 |                     |
| 1          | Các thị trấn đồng bằng                                |  | 79      | 50              | 57                  |
| 2          | Các xã đồng bằng (bao gồm các xã thuộc thành phố Huế) |  | 51      | 32              | 42                  |
| <b>III</b> | <b>Miền núi</b>                                       |  |         |                 |                     |
| 1          | Các thị trấn miền núi                                 |  | 26      | 16              | 21                  |
| 2          | Các xã miền núi                                       |  | 13      | 9               | 14                  |

2. Các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức thu học phí tại Nghị quyết này tương ứng từng cấp học, từng vùng của các trường phổ thông công lập trên địa bàn.

3. Học phí được thu theo số tháng thực học (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường) nhưng không vượt quá tổng thu học phí tính theo số tháng tối đa của 01 năm học (tối đa 9 tháng/năm đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông).

4. Chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đóng học phí, phương thức chi trả và cơ chế thu, quản lý và sử dụng học phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ

Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết sau:

1. Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí của các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2019 - 2020.

2. Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí của các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2020 - 2021.

3. Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí của các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2021 - 2022.

4. Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí của các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2023 - 2024.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp lần thứ 8 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 7 năm 2024./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Các Bộ: GD&ĐT; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP Huế;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các Cv;
- Lưu: VT, LT.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Trường Lưu**